

BÁO CÁO

Công khai tình hình ước thực hiện NSNN năm 2018
và dự toán NSNN năm 2019 UBND huyện trình HĐND huyện

PHẦN THỨ NHẤT TÌNH HÌNH ƯỚC THỰC HIỆN NSNN NĂM 2018

Thực hiện Quyết định số 2970/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2018 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2017 của HĐND huyện Tân Biên, khóa XI, kỳ họp thứ 5, về dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn, thu chi ngân sách địa phương năm 2018, UBND huyện Tân Biên ban hành Quyết định số 1957/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2017 của UBND huyện Tân Biên về việc công bố dự toán thu, chi NSNN năm 2018 trên địa bàn huyện Tân Biên, gồm:

- Dự toán thu ngân sách trên địa bàn theo chỉ tiêu:	110.000 triệu đồng
- Dự toán chi ngân sách địa phương:	314.430 triệu đồng
Trong đó:	
+ Chi đầu tư phát triển:	37.540 triệu đồng
+ Chi thường xuyên:	262.818 triệu đồng
+ Quỹ dự phòng	6.110 triệu đồng
+ Chi từ nguồn NS tỉnh bổ sung CMT:	7.962 triệu đồng

Ủy ban nhân dân huyện Tân Biên báo cáo tình hình ước thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước năm 2018 như sau:

I. VỀ THU NGÂN SÁCH: (Có phụ biểu kèm theo)

1. Thu tính vào chỉ tiêu:

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn thực hiện 10 tháng là 109.166/110.000 triệu đồng, đạt 99,24% so với dự toán, tăng 24,27% so với cùng kỳ; ước thực hiện 2 tháng cuối năm 2018 là 14.834 triệu đồng; lũy kế ước thực hiện năm 2018 là 124.000 triệu đồng, đạt 112,73% so với dự toán, tăng 14,16% so với cùng kỳ.

a. Phân theo khoản thu, sắc thuế:

- Có 5/9 khoản thu vượt dự toán năm: Thu tiền cho thuê mặt đất mặt nước ước đạt 570,00% (6.840/1.200 triệu đồng); Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp ước đạt 166,67% (250/150 triệu đồng); Thu tiền sử dụng đất ước đạt

146,08% (26.295/18.000 triệu đồng); Thu thuế công thương nghiệp ước đạt 106,56% (50.957/47.820 triệu đồng) (Trong đó: Thuế giá trị gia tăng ước đạt 46.170/42.800 triệu đồng, đạt 107,87% so với dự toán. Gồm: thuế GTGT hộ cá thể ước đạt 91,63% dự toán (3.940/4.300 triệu đồng); thuế GTGT khấu trừ ước đạt 109,69% dự toán (42.230/38.500 triệu đồng)); Thu khác tại xã ước đạt 106,67% (1600/1.500 triệu đồng).

Có 4/9 khoản ước thu không đạt dự toán năm 2018: Thu khác ngân sách ước đạt 95,51% (9.102/9.530 triệu đồng); Thu lệ phí trước bạ ước đạt 92,85% (10.213/11.000 triệu đồng); Thuế thu nhập cá nhân ước đạt 88,02% (14.964/17.000 triệu đồng); Thu phí, lệ phí, phí môn bài ước đạt 83,66% (3.179/3.800 triệu đồng).

b. Thu ngân sách phân theo đơn vị:

- Khối huyện:

+ **Có 03/05 đơn vị ước thu vượt dự toán năm:** Phòng Tài nguyên – Môi trường ước thu đạt 146,08% (21.924/18.000 triệu đồng); Chi cục Thuế ước thu đạt 140,49% (2.352/2.030 triệu đồng); Phòng Tài chính – Kế hoạch ước thu đạt 107,67% (1.615/1.500 triệu đồng).

+ **Có 02/05 đơn vị ước thu không đạt dự toán:** Công an huyện ước thu đạt 85,58% (5.135/6.000 triệu đồng); BQL Các bến bãi ước thu đạt 69,62% (1.003/1.440 triệu đồng).

- Khối xã:

+ **Có 8/10 xã ước thu vượt dự toán năm 2018:** xã Thạnh Tây ước thu đạt 188,40% (8.988/4.770 triệu đồng); xã Tân Bình ước thu đạt 150,65% (6.463/4.290 triệu đồng); xã Thạnh Bình ước thu đạt 147,71% (11.964/8.100 triệu đồng); xã Trà Vong ước thu đạt 114,60% (3.266/2.850 triệu đồng); xã Hòa Hiệp ước thu đạt 109,44% (25.741/23.520 triệu đồng); xã Mỏ Công ước thu đạt 107,39% (3.984/3.710 triệu đồng); xã Tân Phong ước thu đạt 103,00% (5.510/5.350 triệu đồng); xã Thạnh Bắc ước thu đạt 100,72% (2.578/2.560 triệu đồng).

+ **Có 2/10 xã, thị trấn ước thu không đạt dự toán năm 2018:** Thị trấn ước thu đạt 97,26% (14.618/15.030 triệu đồng); xã Tân Lập ước thu đạt 92,97% (10.087/10.850 triệu đồng).

2. Số thu từ DN, HTX do tỉnh quản lý thu điều tiết cho huyện: thực hiện 10 tháng là 32.315/48.950 triệu đồng, đạt 66,02% kế hoạch.

3. Số thu bổ sung từ ngân sách tỉnh: là 237.707 triệu đồng.

Trong đó:

- | | |
|---|---------------------|
| - Thu bổ sung cân đối trong kế hoạch 2018: | 146.518 triệu đồng. |
| - Thu bổ sung có mục tiêu trong kế hoạch 2018 : | 7.962 triệu đồng. |
| - Thu bổ sung có mục tiêu ngoài kế hoạch: | 83.227 triệu đồng. |
| . <i>Bổ sung chi thường xuyên</i> | 13.751 triệu đồng |

. *Bổ sung chi đầu tư XD CB*

69.476 triệu đồng

4. Thu cân đối ngân sách được hưởng theo phân cấp 10 tháng đầu năm 2018: (Không bao gồm số bổ sung từ ngân sách cấp trên):

- *Thu cân đối ngân sách cấp huyện:* 117.955/129.616 triệu đồng, đạt 91,00% dự toán.

- *Thu cân đối ngân sách cấp xã:*

+ *Có 7/10 xã thu cân đối đạt và vượt tiến độ dự toán năm 2018 (83,33%):* xã Thạnh Tây thu đạt 129,91% (2.210/1.701 triệu đồng); xã Thạnh Bình thu đạt 99,86% (2.170/2.173 triệu đồng); xã Tân Phong thu đạt 98,85% (1.752/1.773 triệu đồng); xã Mỏ Công thu đạt 94,97% (1.442/1.519 triệu đồng); xã Hòa Hiệp thu đạt 92,28% (4.542/4.922 triệu đồng); xã Trà Vong thu đạt 88,94% (1.189/1.336 triệu đồng); Thị trấn thu đạt 85,62% (4.298/5.020 triệu đồng).

+ *Có 3/10 xã ước thu cân đối không đạt tiến độ dự toán năm 2018 (88,33%):* xã Tân Bình thu đạt 78,44% (913/1.163 triệu đồng); xã Tân Lập thu đạt 71,39% (2.068/2.896 triệu đồng); Thạnh Bắc thu đạt 58,86% (489/830 triệu đồng).

II. VỀ CHI NGÂN SÁCH:

Tổng chi ngân sách địa phương thực hiện 10 tháng đầu năm 2018 là 348.267 triệu đồng, ước thực hiện 2 tháng cuối năm 2018 là 103.083 triệu đồng, lũy kế ước thực hiện năm 2018 là 449.952 triệu đồng, đạt 127,73% dự toán, giảm 5,5% so với cùng kỳ. Trong đó:

1. Chi cân đối ngân sách:

1.1. Chi ngân sách cấp huyện:

Thực hiện chi ngân sách cấp huyện 10 tháng là: 265.896 triệu đồng, ước thực hiện 2 tháng cuối năm 2018 là 80.627 triệu đồng, lũy kế ước thực hiện năm 2018 là 345.124 triệu đồng, đạt 137,42% dự toán, giảm 6,96% so với cùng kỳ. Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển ước thực hiện năm 2018 là: 124.932 triệu đồng, đạt 341,90% dự toán, giảm 34,35% so với cùng kỳ.

- Chi thường xuyên ước thực hiện năm 2018 là: 220.193 triệu đồng, đạt 104,99% dự toán, tăng 15,60% so với cùng kỳ.

1.2. Chi ngân sách cấp xã – thị trấn:

Thực hiện chi ngân sách cấp xã 10 tháng đầu năm 2018 là: 50.387 triệu đồng, ước thực hiện 2 tháng cuối năm 2018 là 13.445 triệu đồng, lũy kế ước thực hiện năm 2018 là 63.832 triệu đồng, đạt 100,88% dự toán, tăng 8,65% so với cùng kỳ. Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển ước thực hiện năm 2018 là: 1.000 triệu đồng, đạt 100% dự toán, tăng 20,21% so với cùng kỳ.

- Chi thường xuyên ước thực hiện năm 2018 là: 62.832 triệu đồng, đạt 102,91% dự toán, tăng 8,49% so với cùng kỳ.

2. Chi bổ sung ngân sách xã:

Thực hiện chi bổ sung ngân sách xã 10 tháng năm 2018 là 31.984 triệu đồng, ước thực hiện 2 tháng cuối năm 2018 là 9.011 triệu đồng, lũy kế ước thực hiện năm 2018 là 40.995 triệu đồng, đạt 108,37% so với dự toán, tăng 16,93% so với cùng kỳ.

1. Về thu ngân sách:

Được sự quan tâm chỉ đạo của Huyện ủy, sự phối hợp chặt chẽ của các phòng, ban với các xã, thị trấn, tình hình thu ngân sách nhà nước 10 tháng đầu năm 2018 diễn biến khá thuận lợi, hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn có nhiều chuyển biến tích cực, có 05/09 khoản thu vượt dự toán năm; 03/05 đơn vị thuộc huyện và 08/10 xã, thị trấn thu ngân sách vượt kế hoạch. Dự kiến năm 2018, UBND huyện sẽ hoàn thành vượt chỉ tiêu thu NSNN tỉnh giao.

Mặc dù thu ngân sách nhà nước ước vượt dự toán nhưng còn 4/9 khoản thu, 2/5 đơn vị thuộc huyện và 02/10 xã, thị trấn thu ngân sách nhà nước không đạt kế hoạch.

Công tác quản lý, cưỡng chế nợ thuế luôn được thường xuyên quan tâm, đôn đốc kịp thời. Tuy nhiên, số nợ thuế trên địa bàn vẫn còn tương đối cao, chủ yếu là nợ Thuế giá trị gia tăng và Thuế thu nhập doanh nghiệp. Tổng số nợ thuế tính đến ngày 31/10/2018 là 126.496 triệu đồng (gồm thuế GTGT: 63.796 triệu đồng, thuế TNDN: 2.380 triệu đồng, thuế khác: 1.057 triệu đồng, tiền chậm nộp: 59.263 triệu đồng), trong đó nợ năm 2017 chuyển sang: 115.232 triệu đồng (gồm thuế GTGT: 58.012 triệu đồng, thuế TNDN: 2.342 triệu đồng, thuế khác: 865 triệu đồng, tiền chậm nộp: 54.013 triệu đồng), nợ mới phát sinh năm 2018: 11.265 triệu đồng (gồm thuế GTGT: 5.784 triệu đồng, thuế TNDN: 38 triệu đồng, thuế khác: 192 triệu đồng, tiền chậm nộp: 5.250 triệu đồng). Nợ có khả năng thu: 6.429 triệu đồng, nợ khó thu: 120.067 triệu đồng.

Nguyên nhân: Một số khoản thu đạt thấp:

Thuế thu nhập cá nhân chủ yếu là thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong dân, nhưng do giao dịch trong dân ít phát sinh dẫn đến nguồn thu này không đạt. Thu lệ phí trước bạ đạt thấp là do giá nông sản (mì, cao su) giảm mạnh, ảnh hưởng đến thu nhập do đó nhu cầu mua sắm trong dân cũng giảm nên nguồn thu này không đạt. Thu phí, lệ phí không đạt kế hoạch là do bãi đỗ xe và chợ Chàng Riệp đã chuyển sang cho thuê nên số thu phí, lệ phí đạt thấp.

2. Về chi NSNN:

Tổ chức điều hành chi ngân sách trong phạm vi dự toán được duyệt, thực hiện kiểm soát chi chặt chẽ đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ nhà nước quy định, đa số các khoản chi đều đạt dự toán. Riêng chi đầu tư phát triển tăng 341,90% dự toán là do trong năm 2018 tỉnh bổ sung vốn đầu tư xây dựng cơ bản cho huyện để thực hiện một số công trình.

3. Về cân đối ngân sách

Mặc dù nguồn thu ngân sách nhà nước trên địa bàn dự kiến vượt kế hoạch nhưng nguồn tinh thu điều tiết cho huyện để chi cân đối, dự kiến năm 2018 hụt thu từ nguồn này trên 10.000 triệu đồng.

Xử lý số hụt thu cân đối: cố gắng khai thác nguồn huyện quản lý thu để bù đắp số hụt thu cân đối, đồng thời kiến nghị Tỉnh có hướng xử lý số hụt thu trên cho huyện.

PHẦN THỨ HAI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019

Năm 2019 là năm thứ ba của thời kỳ ổn định NSNN giai đoạn 2017-2020, có ý nghĩa quan trọng trong việc đẩy mạnh thực hiện và phấn đấu hoàn thành các mục tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020.

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày /11/2018 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019 cho địa phương.

Căn cứ tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2019; căn cứ cơ chế chính sách nhà nước hiện hành. UBND huyện xây dựng dự toán NSNN năm 2019 như sau:

I. VỀ THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC: Tổng thu NSNN trên địa bàn là 140.000 triệu đồng, tăng 27,27% so dự toán năm 2018, tăng 12,90% so với ước thực hiện năm 2018.

(Có phụ Biểu 01 kèm theo)

II. VỀ CHI NGÂN SÁCH: Tổng dự toán chi ngân sách địa phương: 348.452 triệu đồng, tăng 10,82% so dự toán năm 2018, bao gồm:

- | | |
|--------------------------------------|--------------------|
| - Chi đầu tư phát triển: | 42.940 triệu đồng |
| - Chi thường xuyên: | 297.882 triệu đồng |
| - Chi dự phòng: | 6.700 triệu đồng |
| - Chi tạo nguồn cải cách tiền lương: | 930 triệu đồng |

(Có phụ Biểu 02 chi tiết kèm theo)

III. CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG:

Thu cân đối ngân sách địa phương năm 2019: 348.452 triệu đồng tăng 2.122 triệu đồng so với số tinh giao. Do chuyển nguồn cải cách tiền lương năm 2018 sang để chi mức lương 1.390.000 triệu đồng.

- | | |
|---|---------------------------|
| 1. Tổng thu cân đối NSDP: | 348.452 triệu đồng |
| - Thu NSDP hưởng 100% và thu điều tiết: | 181.800 triệu đồng |

- Thu bổ sung từ tỉnh:	164.530 triệu đồng
- Thu chuyển nguồn CCTL năm trước sang:	2.122 triệu đồng
2. Tổng chi NSDP:	348.452 triệu đồng
- Chi đầu tư phát triển:	42.940 triệu đồng
- Chi thường xuyên:	297.882 triệu đồng
- Chi dự phòng:	6.700 triệu đồng
- Chi tạo lập quỹ CCTL:	930 triệu đồng

(Có phụ Biểu 03 kèm theo)

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NSNN NĂM 2019

1. Về thu NSNN

- Các ngành, các cấp phải triển khai nhiệm vụ thu ngay từ đầu năm, bảo đảm thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản thu theo quy định của pháp luật, trong đó, tiếp tục thực hiện tốt chế độ, chính sách thu được ban hành sửa đổi, bổ sung đã có hiệu lực thi hành và các chế độ, chính sách thu có hiệu lực từ năm 2019, tăng cường kiểm tra, kiểm soát thị trường, chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, phát hiện, ngăn chặn và xử lý hành vi trốn, lậu thuế, bảo vệ thị trường và người tiêu dùng; các hoạt động thu phạt vi phạm hành chính.

- Phối hợp có hiệu quả với các cơ quan liên quan trong việc thu NSNN như: nắm sát tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trên địa bàn để chủ động khai thác các nguồn thu; tăng cường hơn nữa công tác quản lý các khoản thu từ đất, các khoản thu từ hoạt động khai thác khoáng sản.

- Triển khai quyết liệt các biện pháp chống thất thu ngân sách; tăng cường thanh tra, kiểm tra, chấn chỉnh và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về thu ngân sách; Thu dứt điểm các khoản truy thu, phạt thuế theo kết luận, kiến nghị của các Đoàn thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán Nhà nước; triển khai đồng bộ các biện pháp thu hồi nợ thuế, thực hiện cưỡng chế nợ thuế đúng trình tự và thủ tục quy định.

- Tiếp tục rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuế nhằm rút ngắn đến mức thấp nhất thời gian tuân thủ thuế, tạo thuận lợi nhất cho người nộp thuế.

- Tăng cường công tác tuyên truyền các chính sách ưu đãi về thuế, nhằm tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân, người nộp thuế được hưởng đầy đủ, kịp thời các chính sách hỗ trợ của Chính phủ. Đảm bảo đúng đối tượng, công khai, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế trong thực hiện quyền và trách nhiệm đối với nhà nước.

2. Về chi ngân sách

- **Chi đầu tư xây dựng cơ bản:** Thực hiện đúng quy định của Luật Đầu tư công, các văn bản hướng dẫn Luật Đầu tư công, đồng thời, thực hiện phân khai chi tiết từng công trình ngay từ dự toán đầu năm.

- **Chi thường xuyên:**

Các cơ quan, đơn vị sử dụng NSNN thực hiện chi thường xuyên đúng tính chất nguồn kinh phí, đúng định mức chi tiêu theo quy định, quản lý kinh phí chặt chẽ. Việc sử dụng kinh phí phải triệt để tiết kiệm, có hiệu quả, cắt giảm các khoản chi mua sắm phương tiện, trang thiết bị; hạn chế tối đa về số lượng và quy mô tổ chức lễ hội, hội nghị, hội thảo, tổng kết, lễ ký kết, khởi công, phong tặng danh hiệu, tiếp khách và các nhiệm vụ không cần thiết, cấp bách khác. Chi thực hiện chi chuyển nguồn đối với các nội dung chi theo quy định.

Thực hiện tốt chủ trương dành nguồn để thực hiện cải cách tiền lương năm 2019 theo quy định. Đảm bảo kinh phí cho bộ máy các cơ quan quản lý nhà nước hoạt động...

- **Công tác kiểm soát chi và thanh, kiểm tra**

Thủ trưởng các phòng, ban ngành huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn thực hiện tốt chủ trương thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, sử dụng có hiệu quả tài sản công, sử dụng kinh phí nhà nước đúng định mức, chế độ theo quy định. Cơ quan Tài chính, Kho bạc nhà nước thực hiện tốt việc quản lý và kiểm soát chi đối với các đơn vị sử dụng kinh phí ngân sách đúng quy định.

Cơ quan thanh tra nhà nước cần tăng cường công tác thanh kiểm tra đối với các đơn vị sử dụng kinh phí NSNN, qua đó kịp thời chấn chỉnh, xử lý các biểu hiện tiêu cực, lãng phí, tham nhũng.

Trên đây là Báo cáo công khai tình hình ước thực hiện NSNN năm 2018 và dự toán NSNN năm 2019 của UBND huyện Tân Biên.


CHỦ TỊCH

Nơi nhận: 

- Sở Tài chính;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- UBMTTQVN huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Phòng Tài chính - KH;
- Công thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT. VPHĐND&UBND huyện.



Đặng Văn Nghĩa

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2019

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2018	ƯTH năm 2018	Dự toán năm 2019	So sánh (1) (%)
A	B	1	2	3	4
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH HUYỆN	314,430	408,956	348,452	85.21
I	Thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp	152,950	159,815	181,800	113.76
-	Thu ngân sách huyện hưởng 100%	45,500	58,371	54,085	92.66
-	Thu ngân sách huyện hưởng từ các khoản thu phân chia	107,450	101,444	127,715	125.90
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	154,480	242,141	164,530	67.95
-	Thu bổ sung cân đối	146,518	146,518	146,410	99.93
-	Thu bổ sung có mục tiêu	7,962	95,623	18,120	18.95
III	Thu kết dư	-	-	-	
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	7,000	7,000	2,122	30.31
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	314,430	408,956	348,452	110.82
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	306,468	388,813	330,332	107.79
1	Chi đầu tư phát triển	37,540	115,878	42,940	114.38
2	Chi thường xuyên	262,818	272,935	279,762	106.45
3	Dự phòng ngân sách	6,110		6,700	109.66
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			930	
II	Chi các chương trình mục tiêu	7,962	20,143	18,120	227.58
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	-	12,181	-	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	7,962	7,962	18,120	227.58
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau				

CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2019
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2018	Ước thực hiện năm 2018	Dự toán năm 2019	So sánh (1) (%)
A	B	1	2	3	4
A	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN				
I	Nguồn thu ngân sách	288,980	380,676	319,369	83.90
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	129,616	133,651	153,312	114.71
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	154,480	242,141	164,530	67.95
-	Thu bổ sung cân đối	146,518	146,518	146,410	99.93
-	Thu bổ sung có mục tiêu	7,962	95,623	18,120	18.95
3	Thu kết dư				
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	4,884	4,884	1,527	31.27
II	Chi ngân sách	288,980	384,819	319,369	110.52
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện	251,152	345,124	279,100	111.13
2	Chi bổ sung cho ngân sách xã	37,828	39,695	40,269	106.45
-	Chi bổ sung cân đối	37,446	37,446	39,161	104.58
-	Chi bổ sung có mục tiêu	382	2,249	1,108	290.05
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau				
B	NGÂN SÁCH XÃ				
I	Nguồn thu ngân sách	63,278	63,832	69,352	108.65
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	23,334	24,137	28,488	118.03
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện	37,828	39,695	40,269	101.45
-	Thu bổ sung cân đối	37,446	37,446	39,161	104.58
-	Thu bổ sung có mục tiêu	382	2,249	1,108	49.27
3	Thu kết dư				
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	2,116		595	
II	Chi ngân sách	63,278	63,832	69,352	109.60

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2018		Dự toán năm 2019		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NS huyện	Tổng thu NSNN	Thu NS huyện	Tổng thu NSNN	Thu NS huyện
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	124,000	124,000	140,000	140,000	112.90	112.90
I	Thu nội địa	124,000	124,000	140,000	140,000	112.90	112.90
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý						
2	Thu từ khu vực DNNN do Địa phương quản lý						
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài						
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	50,957	50,957	69,800	69,800	136.98	136.98
-	Thuế giá trị gia tăng	46,170	46,170	62,375	62,375	135.10	135.10
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	3,300	3,300	5,115	5,115	155.00	155.00
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	360	360	630	630	175.00	175.00
-	Thuế tài nguyên	1,127	1,127	1,680	1,680	149.07	149.07
5	Thuế thu nhập cá nhân	14,964	14,964	18,000	18,000	120.29	120.29
6	Thuế bảo vệ môi trường		-		-		
7	Lệ phí trước bạ	10,213	10,213	11,000	11,000	107.71	107.71
8	Thu phí, lệ phí	3,179	3,179	3,750	3,750	117.96	117.96
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	600	600	-	-	-	-
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	250	250	150	150	60.00	60.00
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	6,840	6,840	2,800	2,800	40.94	40.94
12	Thu tiền sử dụng đất	26,295	26,295	24,000	24,000	91.27	91.27
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước						
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết						
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản						
16	Thu khác ngân sách	9,102	9,102	9,000	9,000	98.88	98.88
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	1,600	1,600	1,500	1,500	93.75	93.75
II	Thu viện trợ						

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN, CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN
VÀ CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2019**

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ngân sách huyện	Chia ra	
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	348,452	279,100	69,352
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	330,332	262,088	68,244
I	Chi đầu tư phát triển	42,940	41,940	1,000
1	Chi đầu tư cho các dự án	42,940	41,940	1,000
	Trong đó chia theo lĩnh vực:	-		
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	-		-
-	Chi khoa học và công nghệ	-	-	-
	Trong đó chia theo nguồn vốn:	-		
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	16,800	16,800	-
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	-	-	-
2	Chi đầu tư phát triển khác	-	-	-
II	Chi thường xuyên	279,762	214,733	65,029
	Trong đó:	-		
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	142,069	142,069	-
2	Chi khoa học và công nghệ	130	130	-
III	Dự phòng ngân sách	6,700	5,415	1,285
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	930		930
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	18,120	17,012	1,108
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	-	-	-
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	18,120	17,012	1,108
	Hỗ trợ kinh phí phát triển đô thị	2,000	2,000	
	Hỗ trợ chi sự nghiệp môi trường	1,010	450	560
	Kinh phí hoạt động Trung tâm giáo dục thường xuyên	2,390	2,390	
	Hỗ trợ kinh phí phần mềm quản lý các trường học	1,000	1,000	
	Kinh phí hoạt động Ban Thanh tra nhân dân	30		30
	Kinh phí thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh"	518		518
	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đặc thù biên giới	980	980	

STT	Nội dung	Ngân sách huyện	Chia ra	
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã
	Kinh phí hoạt động Nhà thiếu nhi huyện	310	310	
	Bổ sung thực hiện nhiệm vụ của địa phương nhưng còn thiếu nguồn	1,792	1,792	
	Hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em 3 - 5 tuổi theo Nghị định số 06/2018/NĐ-CP ngày 05/01/2018	1,310	1,310	
	Kinh phí thực hiện chính sách trợ giúp các đối tượng BTXH người cao tuổi và người khuyết tật theo Nghị định 28/2012/NĐ-CP ngày 10/04/2012 và Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013	6,210	6,210	
	Kinh phí hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo theo Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg ngày 07/04/2014 và hộ chính sách xã hội theo Quyết định số 60/2014/QĐ-TTg ngày 30/10/2014	150	150	
	Kinh phí thực hiện theo Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND	420	420	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	-	-	-

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2019

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	319,369
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH XÃ	40,269
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC	279,100
	<i>Trong đó:</i>	
I	Chi đầu tư phát triển	41,940
1	Chi đầu tư cho các dự án	41,940
	<i>Trong đó:</i>	
1.1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	
1.2	Chi khoa học và công nghệ	
1.3	Chi y tế, dân số và gia đình	
1.4	Chi văn hóa thông tin	
1.5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	
1.6	Chi thể dục thể thao	
1.7	Chi bảo vệ môi trường	
1.8	Chi các hoạt động kinh tế	
1.9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	
1.10	Chi bảo đảm xã hội	
2	Chi đầu tư phát triển khác	-
II	Chi thường xuyên	231,745
	<i>Trong đó:</i>	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	142,069
2	Chi khoa học và công nghệ	130
3	Chi y tế, dân số và gia đình	1,630
4	Chi văn hóa thông tin	1,305
5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	705
6	Chi thể dục thể thao	451
7	Chi bảo vệ môi trường	3,800
8	Chi các hoạt động kinh tế	26,114
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	33,250
10	Chi bảo đảm xã hội	16,539
III	Dự phòng ngân sách	5,415
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	-
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	-

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM 2019

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KÊ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYÊN (KHÔNG KÊ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI CHUYÊN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU
							TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYÊN	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG SỐ	291,950	41,940	244,595	5,415	-	-	-	-	-
I	CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC	204,326	-	204,326	-	-	-	-	-	-
1	Huyện ủy	9,820		9,820						
2	Văn phòng HĐND - UBND	7,465		7,465						
3	Phòng Nông nghiệp - PTNT	1,305		1,305						
4	Phòng Tư pháp	710		710						
5	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	7,871		7,871						
6	Phòng Tài chính - Kế hoạch	1,230		1,230						
7	Phòng Giáo dục - Đào tạo	140,625		140,625						
8	Phòng Y tế	580		580						
9	Phòng Lao động - TBXH	16,577		16,577						
10	Phòng Văn hóa - Thông tin	611		611						
11	Phòng Tài nguyên - Môi trường	1,202		1,202						
12	Phòng Nội vụ	1,718		1,718						
13	Thanh tra huyện	672		672						
14	Hội Chữ thập đỏ	270		270						
15	Hội Đồng y	206		206						



STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KẾ CHƯỠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYÊN (KHÔNG KẾ CHƯỠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU
							TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYÊN	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
16	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	1,232		1,232						
17	Huyện Đoàn	1,214		1,214						
18	Hội Phụ nữ	641		641						
19	Hội Nông dân	609		609						
20	Hội Cựu chiến binh	545		545						
21	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị	1,198		1,198						
22	Trung tâm Giáo dục thường xuyên	2,265		2,265						
23	Trung tâm văn hoá TĐTT	1,089		1,089						
24	Thư viện huyện	321		321						
25	Đài Truyền thanh	730		730						
26	Công an huyện	950		950						
27	Huyện đội	2,470		2,470						
28	Ngân hàng CSXH	200		200						
II	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	5,415			5,415					
III	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	-				-				
IV	CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH XÃ	40,269		40,269						
V	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU	-		-						

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN**

Biểu số 76/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2019

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:											
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ		CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI
											CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG SỐ	199,574	140,918	130	1,630	1,295	706	451	3,163	4,576	537	603	31,736	14,969
1	Huyện ủy	9,820											9,820	
2	Văn phòng HĐND - UBND	7,033		12									6,991	30
3	Phòng Nông nghiệp - PTNT	1,305												
4	Phòng Tư pháp	710								603		603	702	
5	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	7,871		118									710	
6	Phòng Tài chính - Kế hoạch	1,230							2,863	3,973	537		917	
7	Phòng Giáo dục - Đào tạo	140,625	137,500										1,230	
													1,815	1,310



TÊN ĐƠN VỊ

TỔNG SỐ

TRONG ĐÓ:

TRONG ĐÓ

CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ

CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI

CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ

CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH

CHI VĂN HÓA THÔNG TIN

CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN

CHI THỂ DỤC THỂ THAO

CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ

CHI GIAO THÔNG

CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN

STT

B

1

2

3

4

5

6

7

8

9

10

11

12

13

21

Trung tâm Bồi dưỡng chính trị

1,198

1,179

22

Trung tâm Giáo dục thường xuyên

2,265

2,239

23

Trung tâm văn hoá TDTT

1,089

620

451

24

Thư viện huyện

321

321

25

Đài Truyền thanh

730

706

24

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN

Biểu số 77/CK-NSNN

DỰ TOÁN THU, SỐ BỔ SUNG VÀ DỰ TOÁN CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2019

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp		Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp huyện	Chi bổ sung thực hiện điều chỉnh tiền lương	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	Tổng chi cân đối ngân sách xã	
			Tổng số	Chia ra					
				Thu ngân sách xã hưởng 100%					Thu ngân sách xã hưởng từ các khoản thu phân chia
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG SỐ	30,305	28,488	24,888	3,600	33,548	5,613	595	68,244
1	Trà Vong	2,898	1,430	1,056	374	4,007		145	5,582
2	Mỏ Công	2,763	1,887	1,603	284	4,167	366	-	6,420
3	Tân Phong	3,249	2,087	1,662	425	3,883	165	-	6,135
4	Hòa Hiệp	2,969	7,199	6,758	441	2,107			9,306
5	Thị trấn	6,794	6,257	5,625	632	1,192	337	-	7,786
6	Thạnh Tây	3,545	2,692	2,238	454	2,831	517	-	6,040
7	Tân Bình	782	1,065	971	94	5,399	532	150	7,146
8	Tân Lập	2,686	2,802	2,526	276	3,865	1,143	180	7,990
9	Thạnh Bình	3,226	2,463	2,055	408	2,341	1,944	-	6,748
10	Thạnh Bắc	1,393	606	394	212	3,756	609	120	5,091



**DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN
CHO NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2019**

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	Bổ sung vốn sự nghiệp để thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	Bổ sung thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia
A	B	1	2	3	4
	TỔNG SỐ	1,108		1,108	
1	Trà Vong	134		134	
2	Mỏ Công	139		139	
3	Tân Phong	143		143	
4	Hòa Hiệp	136		136	
5	Thị trấn	78		78	
6	Thạnh Tây	68		68	
7	Tân Bình	76		76	
8	Tân Lập	128		128	
9	Thạnh Bình	143		143	
10	Thạnh Bắc	63		63	